| | |
|---|---|
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**<br>**TỈNH TRÀ VINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 21/2024/NQ-HĐND | *Trà Vinh, ngày 09 tháng 12 năm 2024* |

# NGHỊ QUYẾT
## Quy định nội dung hỗ trợ, mức chi hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất giống trong Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2024 - 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

## HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
## KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 19

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BNNPTNT ngày 19 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nội dung đầu tư, hỗ trợ đầu tư thực hiện nhiệm vụ "Phát triển sản xuất giống" theo Quyết định 703/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 107/2021/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất giống trong Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030;*

*Xét Tờ trình số 5790/TTr-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung hỗ trợ, mức chi hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất giống trong Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2024 - 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về nội dung được ngân sách đảm bảo kinh phí và hỗ trợ một phần kinh phí thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia, của tỉnh, giống khác và mức chi thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất giống trong Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2024 - 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan quản lý Nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập (gọi chung là cơ quan, đơn vị) có chức năng, nhiệm vụ quản lý, nghiên cứu, sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản;

b) Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân (gọi chung là tổ chức, cá nhân) nghiên cứu, sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. *Cây đầu dòng* là cây tốt nhất được bình tuyển và công nhận từ quần thể của một giống cây trồng.

2. *Vườn cây đầu dòng* là vườn cây được nhân từ cây đầu dòng hoặc vườn cây do tổ chức, cá nhân thiết lập được thẩm định và công nhận

3. *Giống đầu dòng* là giống được nhân từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng hoặc tương đương

4. *Giống siêu nguyên chủng* là hạt giống được nhân từ hạt giống tác giả hoặc được phục tráng theo quy trình phục tráng hạt giống siêu nguyên chủng và đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.

**Điều 3. Nội dung ngân sách địa phương đảm bảo kinh phí và hỗ trợ một phần kinh phí**

1. Đối với dự án do tỉnh phê duyệt để phát triển sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản chủ lực quốc gia

a) Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện dự án sản xuất giống, gồm:

- Nhập nội, mua bản quyền giống mới đối với những giống trong nước chưa có; mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/dự án.

- Bình tuyển cây đầu dòng, chọn lọc cây trội do các cơ quan, đơn vị thực hiện; mức hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/cây đầu dòng.

- Chăm sóc vườn cây đầu dòng, rừng giống, vườn giống để cung cấp vật liệu nhân giống do các cơ quan, đơn vị thực hiện; mức hỗ trợ không quá 25 triệu đồng/vườn cây đầu dòng.

- Nhập công nghệ sản xuất giống theo giá trị chuyển nhượng bản quyền, bao gồm cả chi phí thuê chuyên gia nước ngoài để tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và các chi phí khác có liên quan (nếu có); hoàn thiện công nghệ sản xuất giống đối với các công nghệ đã được cấp có thẩm quyền ban hành; mức hỗ trợ cụ thể theo Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh nhưng không quá 05 tỷ đồng/dự án.

- Đào tạo, tập huấn quy trình công nghệ nhân giống: Nội dung và mức chi theo khoản 2 Điều 4 của Nghị quyết này. Trường hợp đào tạo, tập huấn ở nước ngoài, mức

chi theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng, công chức, viên chức.

- Kiểm soát chất lượng giống (kiểm nghiệm, kiểm định, chứng nhận chất lượng giống, giám định vi rút, xét nghiệm, kiểm dịch, kiểm soát bệnh); mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/dự án.

- Kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình; tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình: Mức chi theo điểm 2.3 khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

b) Hỗ trợ một phần chi phí sản xuất giống thực hiện dự án phát triển sản xuất giống, gồm:

- Lĩnh vực trồng trọt: Hỗ trợ 50% chi phí sản xuất giống; sản xuất giống siêu nguyên chủng, giống bố mẹ dùng để sản xuất hạt lai F1; mức hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/dự án. Hỗ trợ 30% chi phí sản xuất hạt lai F1, chi phí sản xuất cây giống từ vườn cây đầu dòng; mức hỗ trợ không quá 40 triệu đồng/dự án.

- Lĩnh vực chăn nuôi: Hỗ trợ 10% chi phí sản xuất giống bố mẹ; mức hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/dự án.

- Lĩnh vực lâm nghiệp: Hỗ trợ 50% chi phí sản xuất giống; mức hỗ trợ không quá 55 triệu đồng/ha vườn giống.

- Lĩnh vực thủy sản: Hỗ trợ 50% chi phí sản xuất giống; mức hỗ trợ không quá 500 triệu đồng/dự án.

2. Đối với dự án phát triển sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản khác: Nội dung và tỷ lệ hỗ trợ bằng 70% mức hỗ trợ kinh phí quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Căn cứ yêu cầu thực tiễn trong từng giai đoạn cụ thể, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định lựa chọn các giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản chủ lực của tỉnh, giống khác (không thuộc giống chủ lực quốc gia) để hỗ trợ theo chính sách của Chương trình nhằm đạt mục tiêu Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2024 - 2030.

**Điều 4. Nội dung chi, định mức chi**

Nội dung chi và mức chi thực hiện theo định mức, định mức kinh tế kỹ thuật, chế độ chi tiêu tài chính do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành. Nghị quyết này quy định thêm một số nội dung chi, định mức chi sau:

1. Hỗ trợ sản xuất giống

a) Công lao động kỹ thuật được tính bằng 70% số tiền công ngày cho chức danh "thành viên chính" quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Công lao động phổ thông được tính bằng 50% công lao động kỹ thuật quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Hỗ trợ đào tạo tập huấn quy trình công nghệ nhân giống trong nước cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia thực hiện dự án

a) Chi thù lao giảng viên, trợ giảng (bao gồm biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn); phụ cấp tiền ăn giảng viên, trợ giảng; chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng; chi thù lao hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật.

- Chi thù lao giảng viên, trợ giảng: Chi thù lao giảng viên theo mức quy định tại tiết a điểm 2.1 khoản 2 Điều 4 của Nghị quyết số 79/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định nội dung, mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Chi thù lao trợ giảng bằng 70% chi thù lao giảng viên.

- Phụ cấp tiền ăn giảng viên, trợ giảng: Chi theo mức quy định tại điểm 2.1 và điểm 2.2 khoản 2 Điều 4 của Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng: Chi theo thực tế phát sinh kèm theo chứng từ kế toán theo đúng quy định hiện hành.

- Chi thù lao hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật: Theo mức quy định tại tiết a điểm 2.1 khoản 2 Điều 4 của Nghị quyết số 79/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh.

b) Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); giải khát giữa giờ; tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có); thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập, vật tư thực hành lớp học (nếu có); chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ốm); chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe) và các khoản chi trực tiếp khác: Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với nhà cung cấp theo các quy định liên quan.

c) Chi hỗ trợ tài liệu học, tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở cho học viên:

- Tài liệu học: Học viên được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo).

- Tiền ăn, tiền đi lại học viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước:

+ Tiền ăn: Hỗ trợ 100% chi phí tiền ăn theo quy định tại điểm 2.4 khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh.

+ Tiền đi lại: Hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên; riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng bãi ngang, xã đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên.

- Chỗ ở người học: Trường hợp cơ quan, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì cơ quan, đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, bao gồm chi phí điện, nước; trường hợp cơ quan, đơn vị tổ chức đào tạo thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định khoản 2 Điều 4 của Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh.

**Điều 5. Kinh phí thực hiện**

1. Ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách.

2. Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật và nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân khác (nếu có).

**Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Khi các văn bản quy định về định mức chi dẫn chiếu áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X - kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2024./.

**CHỦ TỊCH**

**Kim Ngọc Thái**